TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 4 - 2024
Về việc "*Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu

2. Bà Trang Thị Huỳnh Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị M, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: K 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh TV.

2. *Bị đơn*: Anh Lý Quốc T, sinh năm 1974 (vắng mặt);
Địa chỉ: K 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị M trình bày: Chị Dương Thị M và anh Lý Quốc T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn với Ủy ban thị trấn C, huyện C, tỉnh T. Trong quá trình chung sống chị M và anh T thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi nhau. Nguyên nhân là do anh T không chí thú làm ăn, hay ghen tuông vô cớ, dùng lời nói khiếm nhã xúc phạm chị M. Một mình chị M gánh vát lo lắng cho gia đình. Chị M đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T sửa đổi để lo lắng cho gia đình. Chị M nhận thấy đời sống hôn

nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Toàn.

- Con chung: Chị Dương Thị M và anh Lý Quốc T có 02 người con chung tên Lý Thị Tú H, sinh ngày 14/4/2005 và Lý Hoàng N, sinh ngày 28/3/2014. Hiện tại con chung Lý Thị Tú H đã trưởng thành phát triển bình thường và tự sống được nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý Hoàng N hiện tại đang sống chung với ông Lý Quốc T, chị M yêu cầu được nuôi con chung nhưng theo nguyện vọng Lý Hoàng N. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa anh Lý Quốc T trình bày*: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị Dương Thị M về xác lập quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Về yêu cầu ly hôn thì anh Lý Quốc T không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị M. Về mâu thuẫn thì anh Lý Quốc T thừa nhận có uống rượu bia và có chửi chị M, trước kia có chơi cờ bạc nhưng hiện tại không còn. Về con chung thì ông Lý Quốc T không bỏ con yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Lý Hoàng N. Tài sản chung, nợ chung thì anh T trình bày không có.

Ý kiến của con chung tên Lý Hoàng N: Lý Hoàng N có nguyện vọng được chung sống với anh Lý Quốc T.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 72, 177, 196, 203, 205, 208, 209,210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận cho chị Dương Thị M được ly hôn với anh Lý Quốc T.

Con chung: Giao con Lý Hoàng N cho anh Lý Quốc T trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của Lý Hoàng N. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu.

Chị Dương Thị M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "*Ly hôn*" căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Chị Dương Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M và anh Lý Quốc T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Chị Dương Thị M và anh Lý Quốc T xác lập hệ hôn nhân vào năm 2004 nhưng thường xuyên mâu thuẫn, anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên ghen tuông dùng lời lẽ khiếm nhã, xúc phạm chị M, trong cuộc sống gia đình anh T không quan tâm chăm sóc, chị M đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn để chung sống với nhau được. Qua lời trình bày của chị M và qua biên bản xác minh thì mâu thuẫn của anh Muội và anh T là có thật, anh T có rượu chè, có dùng lời lẽ khiếm nhã, ghen tuông đối với chị M và được gia đình khuyên răng nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh T thừa nhận có thường uống rượu và có lời nói không hay với chị M. Tại phiên tòa anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại thể hiện thái độ không tôn trọng chị M, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm gia đình.Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chị M đã nhiều lần cố gắng trong hôn nhân, khuyên nhủ anh Tthay đổi đề xây dựng gia đình nhưng anh T không cố gắng thay đổi, chị M đưa ra quyết định cuối cùng là ly hôn với anh T, quyết định này không có sự tác động bởi ai. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hội đồng xét xử cho chị Dương Thị M ly hôn với anh Lý Quốc T là có cơ sở.

[5] Con chung: Chị Dương Thị M và anh Lý Quốc T có 02 người con chung tên Lý Thị Tú H, sinh ngày 14/4/2005 và Lý Hoàng N, sinh ngày 28/3/2014. Lý Thị Tú H đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao con chung tên Lý Hoàng N cho anh Lý Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung tên Lý Hoàng N là phù hợp với quy định và phát triển bình thường cho con chung tên Lý Hoàng N. Anh Lý Quốc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị Dương Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí: Chị Dương Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Dương Thị M. Cho chị Dương Thị M được ly hôn với anh Lý Quốc T.

Con chung: Giao con chung tên Lý Hoàng N, sinh ngày 28/3/2014 cho anh Lý Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị M trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Dương Thị M chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai số 0019010 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị M không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đoàn Thị Thu Trang

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.